

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04/6/2021
“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Lương;
Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1978;

Trú tại: Đội A, Trung A, xã Hải Kh, huyện H, tỉnh Quảng Trị

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1979;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Ch, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ hiện nay: Hiện đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Ngày 22/12/2006, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Ph tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Kh, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chăm lo cuộc sống gia đình. Đến năm 2018, anh Ph đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ đó giữa hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Ph không gửi tiền về nuôi con, không quan tâm đến ba mẹ con. Vì vậy, chị Lê Thị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Nguyễn Công Ng, sinh ngày 06/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Yến Tr, sinh ngày 03/9/2016. Hiện nay, cả hai cháu đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Lê Thị L xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Công Ng và cháu Nguyễn Thị Yến Tr; yêu cầu anh Nguyễn Văn Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu x 02 cháu = 4.000.000 đồng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph không có ý kiến trình bày gì.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/3/2021, ông Nguyễn Văn B (bố đẻ của anh Nguyễn Văn Ph) có ý kiến như sau:

Sau khi kết hôn vào năm 2006 thì cả hai vợ chồng con trai Nguyễn Văn Ph chung sống hạnh phúc và có hai con chung là cháu Nguyễn Công Ng và cháu Nguyễn Thị Yến Tr. Đến tháng 9/2018 thì con trai Nguyễn Văn Ph đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay. Trong thời gian cháu Ph đi lao động tại Hàn Quốc, cô Lê Thị L ở nhà đã có tình cảm với người khác, không chung thủy với chồng con. Sau khi biết được thông tin này thì Nguyễn Văn Ph không gửi tiền lương về cho cô Lan kể từ tháng 11/2020 cho đến nay. Tuy nhiên, hàng tháng, cháu Ph vẫn gửi tiền về khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng để lo cho các con ăn học. Việc cô Lan cho rằng từ khi con trai ông B đi lao động tại Hàn Quốc không gửi tiền về để lo cho gia đình là không đúng sự thật.

Nay, cô L xin ly hôn Nguyễn Văn Ph và có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Công Ng và cháu Nguyễn Thị Yến Tr thì gia đình ông Nguyễn Văn B không có ý kiến gì. Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của anh Ph tại Hàn quốc, nhưng anh Ph và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại hoặc qua Facebook.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS; vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Ph là hợp pháp. Sau khi kết hôn, đến năm 2018 thì anh Ph đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, lúc này giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai không sống chung và ít liên lạc với nhau trong một thời gian dài, anh Nguyễn Văn Ph hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, nên tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Công Ng, sinh ngày 06/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Yến Tr, sinh ngày 03/9/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh Nguyễn Văn Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi cháu Nguyễn và cháu Trinh đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Ph phải chịu 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L nộp đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph, thì anh Ph đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Trước và sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn chị L và gia đình anh Ph không cung cấp được địa chỉ của anh Ph tại Hàn Quốc, nhưng phía gia đình của anh Ph vẫn thường xuyên liên lạc với anh Ph qua điện thoại hoặc qua Facebook, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bố của anh Ph thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; gia đình cam đoan thông báo các văn bản tố tụng cho anh Ph biết, nhưng anh Ph không có bản trình bày ý kiến, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Ph vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt bị đơn anh Ph.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Lê Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Ph là hợp pháp và thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn chị L cho rằng vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ít liên lạc với nhau và không thể hàn gắn được tình cảm. Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Ph đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh Ph có 02 con chung: Cháu Nguyễn Công Ng, sinh ngày 06/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Yến Tr, sinh ngày 03/9/2016. Chị Lê Thị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Công Ng và cháu Nguyễn Thị Yến Tr và yêu cầu anh Nguyễn Văn Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu x 02 cháu = 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi là đảm bảo quyền lợi của các cháu, hiện tại anh Ph đang xuất khẩu lao động ở nước Hàn Quốc, nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Ng xin được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao hai cháu Nguyễn Công Ng, sinh ngày 06/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Yến Tr, sinh ngày 03/9/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con cần buộc anh Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Yến Tr mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu Tr đến tuổi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công Ng, sinh ngày 06/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Yến Tr, sinh ngày 03/9/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Yến Tr mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu Tr đến tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Văn Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Ph thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 4.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000795 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị L số tiền 3.750.000 đồng tiền án phí DSST.

Anh Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Hải Kh, huyện H;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Thương

